

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HS-ST

Ngày: 05-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lăng Đức Quang

Ông Nguyễn Hồng Diên

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thủy, Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/HSST-QĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo: Nguyễn Văn D, sinh ngày 03/11/1993 tại thành phố G, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Ngõ 47, đường H, Tổ 17, phường P, thành phố G, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trung T (đã chết) và bà Hoàng Thị Kim C sinh năm 1976; có vợ là Phạm Thị H sinh năm 1992; có 01 con sinh năm 2012; tiền án; tiền sự: không

Nhân thân:

+ Năm 2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xử phạt Nguyễn Văn D 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 01/2012/HSST ngày 03/01/2012, đã được xóa án tích.

+ Năm 2021 bị Tòa án nhân dân Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Văn D 36 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" tại Bản án số 372/2021/HSST ngày 28/12/2021. Hiện bị cáo Nguyễn Văn D đang chấp hành hình phạt tù của Bản án số 372/2021/HSST ngày 28/12/2021 tại Trại giam Thanh Cẩm - Bộ Công an.

+ Ngày 04/4/2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang Quyết định khởi tố bị can số: 86/QĐ-CSHS về tội Đánh bạc xảy ra ngày 08/8/2016. (Có mặt).

Bị hại: Anh Phạm Văn C sinh năm 1986, nơi cư trú: Tổ dân phố M, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị C1, sinh năm 1981, nơi cư trú: Tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 28/5/2020 anh Phạm Văn C sinh năm 1986, nơi cư trú: Tổ dân phố M, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang, phát hiện Nguyễn Văn D, sinh năm 1993, trú tại Phường P, thành phố G làm thuê bán điện thoại cho anh C đã có hành vi trộm cắp 14 chiếc điện thoại di động và 01 chiếc xe máy của anh C. Sau khi bị mất trộm tài sản, anh C đã có đơn trình báo lên Công an thị trấn Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang. Sau khi tiếp nhận thông tin Công an thị trấn Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang xét thấy vụ việc có tính chấp phức tạp, giá trị tài sản bị trộm cắp lớn nên đã chuyển vụ việc lên Công an huyện Bắc Quang để giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình điều tra Công an huyện Bắc Quang chưa có đủ căn cứ để xác định bị can thực hiện hành vi phạm tội, cần giám định video đã thu giữ mà thời hạn điều tra vụ án đã hết, không thể gia hạn điều tra thêm nên ngày 01/10/2020 đã quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, đến ngày 05/3/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã có căn cứ xác định bị can Nguyễn Văn D trong vụ án và đã có kết luận giám định video nên đã Quyết định phục hồi điều tra vụ án Hình sự.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang Nguyễn Văn D khai nhận: Vào khoảng giữa tháng 5/2020 Nguyễn Văn D đến làm nhân viên bán điện thoại tại Cửa hàng sửa chữa điện thoại di động, máy tính C D mobile của anh Phạm Văn C, sinh năm 1986, trú tại tổ dân phố M, thị trấn T, huyện Q. Khoảng 14 giờ ngày 28/5/2020, D đang trông cửa hàng còn anh C đi xuống tầng hầm phía sau quán, trong quán không có người nên D nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại để bán lấy tiền chi tiêu. D dùng tay mở tủ kính trưng bày điện thoại lấy 14 điện thoại di động gồm 04 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A01 (còn mới chưa sử dụng); 02 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung M10 (còn mới chưa sử dụng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A20 (còn mới chưa sử dụng); 02 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A1K (còn mới chưa sử dụng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A5s (còn mới chưa sử dụng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A10 (còn mới chưa sử dụng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A10s (còn mới chưa sử dụng); 02 điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6 (đã qua sử dụng), D cho toàn bộ các điện thoại vừa trộm cắp được vào trong thùng cát-tông rồi đi ra ngoài cửa quán. Khi ra ngoài cửa D thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , BKS 29Y7 – 183.52 của

anh C đang dựng trước cửa quán, chìa khóa cắm ở ổ khóa điện nên D để thùng cát-tông đựng 14 điện thoại vừa trộm cắp được ở giá để hàng phía trước yên xe rồi điều khiển xe mô tô BKS 29Y7 – 183.52 theo đường Quốc lộ 2 hướng đi tỉnh Tuyên Quang. Khi đến ngã ba T – Y, D vào nhà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1975, trú tại tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Q rồi thuê chị C1 lái taxi chở D đến thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang, chị C1 đồng ý, D gửi xe mô tô BKS 29Y7 – 183.52 ở nhà chị C1 (D không bảo cho chị C1 biết xe mô tô do phạm tội mà có chỉ bảo sẽ có người đến lấy xe sau) rồi mang thùng cát-tông đựng 14 điện thoại trộm cắp được lên xe taxi của chị C1 đi đến thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang (khi đi không nói cho chị C1 biết D vừa trộm cắp tài sản, 14 chiếc điện thoại do phạm tội mà có). Khi đến thành phố Q, D xuống xe taxi rồi mang toàn bộ 14 điện thoại trộm cắp được ra khu vực Bến xe khách thành phố Q bán cho người đàn ông D không biết tên, tuổi, địa chỉ được số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) rồi D bắt xe khách xuống thành phố Hà Nội làm thuê, chi tiêu hết số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Tại biên bản họp định giá tài sản và Kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐĐGTS ngày 18/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bắc Quang đã định giá và kết luận:

+ 04 (bốn) điện thoại di động, màn hình cảm ứng, cùng nhãn hiệu Samsung, cùng loại A01 được mua vào tháng 4/2020 với giá 4.600.000 đồng, còn mới chưa qua sử dụng, thời điểm định giá tháng 6/2020 có giá 8.500.000đ (tám triệu năm trăm nghìn đồng).

+ 02 (hai) điện thoại di động, màn hình cảm ứng, cùng nhãn hiệu Samsung, cùng loại M10 được mua vào tháng 4/2020 với giá 4.180.000 đồng, còn mới chưa qua sử dụng, thời điểm định giá tháng 6/2020 có giá 5.400.000đ (năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

+ 01 (một) điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung, loại A20 được mua vào tháng 4/2020 với giá 3.003.000 đồng, còn mới chưa qua sử dụng, thời điểm định giá tháng 6/2020 có giá 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

+ 02 (hai) điện thoại di động, màn hình cảm ứng, cùng nhãn hiệu OPPO, cùng loại A1K được mua vào tháng 4/2020 với giá 4.732.000 đồng, còn mới chưa qua sử dụng, thời điểm định giá tháng 6/2020 có giá 4.650.000đ (bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

+ 01 (một) điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung, loại A5S được mua vào tháng 4/2020 với giá 2.700.000 đồng, còn mới chưa qua sử dụng, thời điểm định giá tháng 6/2020 có giá 2.600.000đ (hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

+ 01 (một) điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung, loại A10 được mua vào tháng 4/2020 với giá 2.300.000 đồng, còn mới chưa qua sử dụng, thời điểm định giá tháng 6/2020 có giá 2.560.000đ (hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ 01 (một) điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung, loại A10S được mua vào tháng 4/2020 với giá 2.700.000 đồng, còn mới chưa qua sử dụng, thời điểm định giá tháng 6/2020 có giá 2.760.000đ (hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ 02 (hai) điện thoại di động, màn hình cảm ứng, cùng nhãn hiệu Apple, cùng loại Iphone 6 được mua vào tháng 4/2020 với giá 3.600.000 đồng, còn mới chưa qua sử dụng, thời điểm định giá tháng 6/2020 có giá 4.160.000đ (bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ 01 (một) Xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại HC121WAVE@, màu sơn Đen - Bạc, số khung XDY125407, số máy E-5125575, biển kiểm soát 29Y7-183.52 (*không có gương chiếu hậu, bảo vệ lốc máy và bị thủng một lỗ ở yên*) được mua mới vào năm 2013 với giá 23.000.000 đồng, xe máy cũ đã qua sử dụng, thời điểm định giá tháng 6/2020 có giá 8.530.000đ (tám triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là 42.560.000đ (*bốn mươi hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Ngày 28/09/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 171, trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an tiến hành giám định Video ghi lại hình ảnh Nguyễn Văn D trộm cắp tài sản.

Ngày 20/11/2020, Viện khoa học hình sự Bộ Công an đã có Kết luận giám định số 6834/C09-P6, kết luận: "*không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong tệp video gửi giám định*".

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 26/CT-VKSBQ ngày 02/6/2022 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố Nguyễn Văn D về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội "*Trộm cắp tài sản*" và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 56 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù, tổng hợp hình phạt 36 tháng tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo Bản án số 372/2021/HSST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo D phải chịu hình phạt C1 của hai bản án từ 05 năm 6 tháng đến 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/10/2021 (theo Bản án số 372/2021/HSST ngày 28/12/2021).

Về trách nhiệm dân sự, đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Nguyễn Văn D bồi thường thiệt hại do tài sản bị mất cho bị hại Phạm Văn C.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

Ý kiến của bị hại Phạm Văn C trong giai đoạn điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt: Về tội danh và hình phạt, đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật; Về trách nhiệm dân sự: Yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị 14 chiếc điện thoại bị cáo đã trộm cắp là 34.000.000^d, còn đối với chiếc xe máy bị hại đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với tội danh và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội.

Bị cáo lời nói sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo có cơ hội sửa chữa những lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa bị hại là anh Phạm Văn C và người làm chứng là chị Nguyễn Thị C1 đều vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xét thấy sự vắng mặt của bị hại và người làm chứng không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án và không làm ảnh hưởng đến nội dung của vụ án vì lời khai của họ tại cơ quan điều tra đã rõ ràng, do vậy Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn D tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, vật chứng của vụ án, biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường; biên bản định giá tài sản và Kết luận số 39/KL-HĐĐGTS ngày 18/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Quang, Kết luận giám định số 6834/C09-P6 ngày 20/11/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an; biên bản nhận dạng và bản ảnh nhận dạng, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn D đã lợi dụng thời điểm bị hại vắng mặt tại cửa hàng để thực hiện hành vi trộm cắp điện thoại di động và xe máy, tổng giá trị tài sản bị cáo D trộm cắp là 42.560.000đ (bốn mươi hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân

dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn D thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ. Đồng thời còn làm mất trật tự an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì ham chơi, đua đòi, lười lao động nên bị cáo đã trộm cắp tài sản của bị hại trị giá là 42.560.000đ (bốn mươi hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) để bán lấy tiền tiêu sài cho mục đích cá nhân. Do đó, cần xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự với mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra nhằm giáo dục các bị cáo nói riêng và đề răn đe và phòng ngừa C1.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của người phạm tội: Trong vụ án này bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thật thà khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên cũng được xem xét giảm nhẹ khi áp dụng mức hình phạt. Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xử phạt tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 01/2012/HSST ngày 03/01/2012, sau khi được xóa án tích bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa đổi bản thân mà đến ngày 28/5/2020 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp điện thoại và xe máy của bị hại C, tiếp đó ngày 05/10/2021 bị cáo thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân Quận Hoàng Mai, Hà Nội xử phạt 36 tháng tù tại Bản án số 327/2021/HSST ngày 28/12/2021, ngoài ra bị cáo còn đang bị khởi tố điều tra về hành vi đánh bạc xảy ra ngày 08/8/2016, điều đó cho thấy bị cáo có lối sống coi thường kỷ cương, pháp luật của Nhà nước nên HĐXX xét thấy cần phải có mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, như vậy mới có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng ngừa C1, do đó hình phạt tù đại diện Viện kiểm sát đưa ra là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là lao động tự do không có nghề nghiệp ổn định và không có thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: bị hại Phạm Văn C đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang trả lại tài sản bị trộm cắp là Xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại HC121WAVE@, màu sơn Đen - Bạc, số khung XDY125407, số máy E-5125575, biển kiểm soát 29Y7-183.52 theo biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 18/4/2022 (bút lục 107). Tại quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt bị hại Phạm Văn C chỉ yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt

hại đối với 14 chiếc điện thoại di động bị mất với giá là 34.000.000 đồng như theo kết luận định giá tài sản ngày 18/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bắc Quang và bị hại không có thêm đề nghị gì khác về dân sự. Xét thấy yêu cầu của bị hại Phạm Văn C là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Do đó cần áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải bồi thường cho anh Phạm Văn C số tiền 34.000.000đ (*Ba mươi tư triệu đồng*).

[8] Đối với Nguyễn Thị C1 khi D gửi xe máy và thuê xe taxi để đưa D xuống thành phố Tuyên Quang, D không nói cho chị C1 biết việc mình vừa trộm cắp tài sản, không nói xe máy để ở nhà chị C1 là do trộm cắp mà có. Do vậy không có căn cứ xử lý đối với Nguyễn Thị C1.

[9] Đối với người đàn ông mua điện thoại của D ở khu vực Bến xe khách thành phố Tuyên Quang, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã xác minh nhưng chưa có kết quả nên đã tách hồ sơ, khi nào xác định được có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật. Do đó, HĐXX không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, điều 56 của Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 468, các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự; Điều 30, khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, tổng hợp hình phạt 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số: 327/2021/HSST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu hình phạt C1 của hai bản án là 05 (Năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/10/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải bồi thường cho anh Phạm Văn C sinh năm 1986, nơi cư trú: Tổ dân phố M, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang số tiền 34.000.000^d (*Ba mươi tư triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và số tiền án phí dân sự có giá ngạch là 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- UBND phường Trần Phú, tp Hà Giang, tỉnh Hà Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhung

